

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-29
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10-29

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 22 tháng 11 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Khoái	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc 



Nguyễn Thị Thanh Hương
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được lập ngày 20 tháng 03 năm 2013, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biễn
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		380.438.491.835	376.106.307.429
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	73.127.492.350	53.958.975.820
111	1. Tiền		73.127.492.350	53.958.975.820
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		68.478.496.655	104.297.501.514
131	1. Phải thu của khách hàng		22.692.321.890	39.764.464.570
132	2. Trả trước cho người bán		44.853.500.888	68.646.944.373
135	5. Các khoản phải thu khác	4	4.399.614.877	-
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.466.941.000)	(4.113.907.429)
140	IV. Hàng tồn kho	5	218.053.667.810	163.710.010.973
141	1. Hàng tồn kho		218.053.667.810	167.730.210.973
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(4.020.200.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		20.778.835.020	54.139.819.122
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		11.633.334	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.316.815.069	34.377.051.122
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.000.000	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	6	15.447.386.617	19.762.768.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		33.737.128.200	13.109.469.677
220	II. Tài sản cố định		31.870.163.412	13.109.469.677
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	10.093.647.217	7.828.235.556
222	- Nguyên giá		12.493.932.211	8.597.010.182
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.400.284.994)	(768.774.626)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	21.776.516.195	5.281.234.121
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.866.964.788	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.866.964.788	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		414.175.620.035	389.215.777.106

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		346.044.276.277	359.122.063.354
310	I. Nợ ngắn hạn		345.273.276.277	356.049.063.354
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	109.571.606.728	199.170.450.236
312	2. Phải trả người bán		229.011.678.291	152.730.213.566
313	3. Người mua trả tiền trước		4.102.427.000	2.048.907.080
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.874.944.463	1.626.255.712
316	6. Chi phí phải trả	12	712.557.795	464.328.639
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác		62.000	8.908.121
330	II. Nợ dài hạn		771.000.000	3.073.000.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	13	771.000.000	3.073.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		68.131.343.758	30.093.713.752
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	68.131.343.758	30.093.713.752
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		56.000.000.000	20.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.131.343.758	10.093.713.752
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		414.175.620.035	389.215.777.106

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng đô la Mỹ (USD)		158.781,89	2.419.748,00

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Vũ Thị Dương
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	2.391.910.258.181	2.073.782.070.854
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16	62.484.000	209.893.560
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	2.391.847.774.181	2.073.572.177.294
11	4. Giá vốn hàng bán	18	2.302.832.687.459	1.996.463.608.149
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		89.015.086.722	77.108.569.145
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	5.657.533.889	16.296.950.126
22	7. Chi phí tài chính	20	20.297.426.339	29.369.667.452
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		18.547.879.467	22.478.319.196
24	8. Chi phí bán hàng	21	59.583.702.848	40.554.557.708
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	12.409.594.090	13.334.516.330
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.381.897.334	10.146.777.781
31	11. Thu nhập khác	23	654.386.327	-
32	12. Chi phí khác	24	128.484.515	-
40	13. Lợi nhuận khác		525.901.812	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.907.799.146	10.146.777.781
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	870.169.140	1.812.717.167
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>2.037.630.006</u>	<u>8.334.060.614</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	376	5.829

 

Vũ Thị Dương
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 03 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2012

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		2.475.723.587.831	1.951.569.029.967
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(2.420.244.951.736)	(1.787.555.931.712)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(3.855.112.585)	(4.286.367.600)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(18.322.236.231)	(22.687.360.840)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.751.081.680)	(544.872.869)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		116.540.823.794	3.477.710.649.523
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(57.216.628.406)	(3.461.149.810.363)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		90.874.400.987	153.055.336.106
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(17.845.646.202)	(1.151.711.576)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.964.571.098	8.887.769.345
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(15.881.075.104)	7.736.057.769
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		36.000.000.000	15.200.000.000
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.564.126.809.680	1.063.384.206.698
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.655.958.323.527)	(1.193.581.463.828)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(55.831.513.847)	(114.997.257.130)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		19.161.812.036	45.794.136.745
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		53.958.975.820	8.164.839.075
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		6.704.494	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	73.127.492.350	53.958.975.820

(Handwritten signatures)



Vũ Thị Dương
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 03 năm 2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 22 tháng 11 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 56.000.000.000 đồng; tương đương 5.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, môi giới hợp đồng hàng hóa;
- Bán buôn: Đồ uống, thực phẩm, gạo, nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống, kim loại và quặng kim loại, vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng và các mặt hàng khác;
- Bán lẻ: Đồ uống, thực phẩm, lương thực, thuốc lá, thuốc láo, hàng may mặc và đồ gia dụng, nhiên liệu động cơ và các mặt hàng khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Đại lý, bán buôn, bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt, đường bộ, đường thủy. Kho bãi lưu giữ hàng hóa, bốc xếp, đóng gói hàng hóa và các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Sản xuất: Đường, tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột, thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, đồ gỗ xây dựng, bao bì bằng gỗ, xi măng, vôi, thạch cao và các sản phẩm khác;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in, sao chép bản ghi các loại;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt, quặng sắt, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.



2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.....

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06	năm
- Tài sản cố định khác	02 - 03	năm

2.8 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.12 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.13 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

2.16 . Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác*Hợp đồng ủy thác đầu tư*

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 12/05/2011 giữa Công ty với Ông Nguyễn Thanh Bình và Bà Nguyễn Thị Thanh Hương để xây dựng cơ sở kinh doanh chế biến nông lâm thủy sản, kho bãi và trưng bày sản phẩm tại Khu vực Cống Chanh, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Thời hạn hợp tác đầu tư là 20 năm với tổng mức đầu tư theo dự toán là 46,6 tỷ đồng, trong đó Công ty góp vốn 39,6 tỷ đồng (tương ứng với tỷ lệ góp vốn là 85%), Ông Nguyễn Thanh Bình và Bà Nguyễn Thị Thanh Hương góp vốn bằng toàn bộ trị giá tài sản đầu tư trên diện tích 16.799 m² đất tại địa chỉ hợp tác bao gồm chi phí đền bù, san lấp mặt bằng với tổng giá trị đầu tư là 7 tỷ đồng (tương ứng với tỷ lệ góp vốn là 15%). Sau khi hoàn thiện việc xây dựng cơ sở vật chất, nhà máy đi vào hoạt động, mọi hạch toán sản xuất kinh doanh do Công ty đảm nhận. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất của cơ sở kinh doanh này sẽ được phân chia cho các bên căn cứ theo tỷ lệ góp vốn và lợi nhuận kinh doanh sau thuế. Tại thời điểm 31/12/2012, cơ sở kinh doanh chế biến này đang được đầu tư xây dựng và chưa đi vào hoạt động sản xuất, chi phí đầu tư xây dựng đang được tập hợp và theo dõi trên tài khoản 241 - "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang".

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	46.766.098.706	3.114.415.460
Tiền gửi ngân hàng	26.361.393.644	50.844.560.360
	<u>73.127.492.350</u>	<u>53.958.975.820</u>

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu tiền chi hộ bà Nguyễn Thị Thanh Hương	4.364.000.000	-
Phải thu khác	35.614.877	-
	<u>4.399.614.877</u>	<u>-</u>

5 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	5.200.000	156.867.280
Hàng hoá	218.048.467.810	167.573.343.693
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(4.020.200.000)
	<u>218.053.667.810</u>	<u>163.710.010.973</u>

6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	75.806.388	18.400.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	28.003.602	-
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	15.343.576.627	1.362.768.000
	<u>15.447.386.617</u>	<u>19.762.768.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

7 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2012	-	16.400.000	8.541.701.091	38.909.091	-	8.597.010.182
Mua sắm	54.936.550	288.181.864	100.678.000	606.378.984	26.686.363	1.076.861.761
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.570.389.809	-	1.163.030.459	86.640.000	-	2.820.060.268
Tại ngày 31/12/2012	1.625.326.359	304.581.864	9.805.409.550	731.928.075	26.686.363	12.493.932.211
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2012	-	5.193.333	760.338.869	3.242.424	-	768.774.626
Trích khấu hao	27.418.029	14.820.402	1.561.232.282	27.448.745	590.910	1.631.510.368
Tại ngày 31/12/2012	27.418.029	20.013.735	2.321.571.151	30.691.169	590.910	2.400.284.994
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2012	-	11.206.667	7.781.362.222	35.666.667	-	7.828.235.556
Tại ngày 31/12/2012	1.597.908.330	284.568.129	7.483.838.399	701.236.906	26.095.453	10.093.647.217

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 6.029.229,091 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	5.281.234.121	781.674.062
Tăng trong năm	19.315.342.342	4.499.560.059
Kết chuyển tăng tài sản cố định	(2.820.060.268)	-
Tại ngày cuối năm	21.776.516.195	5.281.234.121
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	21.721.048.995	3.885.143.121
Xây dựng dây chuyền, nhà máy sản xuất NPK	21.721.048.995	3.885.143.121
Mua sắm tài sản cố định	55.467.200	1.396.091.000
Bộ cửa kính tự động	55.467.200	-
Hệ thống trạm điện, đường dây 35KV&TBA1500KVA tại Nhà máy	-	1.396.091.000
	21.776.516.195	5.281.234.121

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tại ngày đầu năm	-	-
Tăng trong năm	2.120.413.723	-
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(253.448.935)	-
Tại ngày cuối năm	1.866.964.788	-
Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	525.989.373	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.340.975.415	-
	1.866.964.788	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

10 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	108.445.606.728	199.170.450.236
Vay ngân hàng	108.445.606.728	198.206.494.236
Vay cá nhân	-	963.956.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.126.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.126.000.000	-
(Xem thuyết minh 13)		
	109.571.606.728	199.170.450.236

Chi tiết vay ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng ⁽¹⁾	30.772.896.000	39.000.000.000
Ngân hàng ANZ Việt Nam ⁽²⁾	4.258.205.728	-
Ngân hàng NNo&PTNT Chi nhánh Thủ Đức ⁽³⁾	73.414.505.000	31.172.891.506
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	70.111.364.876
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	31.267.237.854
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	-	26.655.000.000
Vay cá nhân Bà Trần Thị Mỹ	-	963.956.000
	108.445.606.728	199.170.450.236

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng	250.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng	660.000.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồng Bàng	216.000.000	-
	1.126.000.000	-

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 22/12/HM/XI ngày 26/10/2012 tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng tổng là 100 tỷ đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương trong đó hạn mức cho vay là 60 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua nguyên vật liệu là phân bón, hóa chất phục vụ kinh doanh;
- + Thời hạn hiệu lực của Hạn mức tín dụng tổng: 12 tháng, kể từ ngày 26/10/2012 đến ngày 26/10/2013. Thời hạn của mỗi món vay được ghi trên giấy nhận nợ, tối đa không quá 05 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Được quy định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo Hợp đồng cầm cố số 27/12/CC/XI và 28/12/CC/XI ngày 30/10/2012;
- + Số dư nợ vay của hợp đồng đến thời điểm 31/12/2012 là 1.478.400 USD, tương đương với 30.772.896.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp)

(2) Khoản vay tại Ngân hàng ANZ bao gồm 02 đơn yêu cầu vay tài trợ thương mại, cụ thể:

(a) Đơn yêu cầu vay tài trợ thương mại ngày 21/12/2012 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức cho vay là 1,7 tỷ đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương;
- + Mục đích vay: vay để mua hàng hóa;
- + Thời hạn vay: 01 tháng, từ ngày 21/12/2012 đến ngày 21/01/2013;
- + Lãi suất cho vay: 5%/năm;
- + Số dư nợ vay của hợp đồng đến thời điểm 31/12/2012 là 81.573,9 USD, tương đương với 1.697.960.728 đồng.

(b) Đơn yêu cầu vay tài trợ thương mại ngày 20/11/2012 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức cho vay là 7,1 tỷ đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương;
- + Mục đích vay: Vay để mua hàng hóa;
- + Thời hạn vay: 01 tháng, từ ngày 20/11/2012 đến ngày 20/12/2012;
- + Lãi suất cho vay: 5%/năm;
- + Số dư nợ vay của hợp đồng đến thời điểm 31/12/2012 là 123.000 USD, tương đương với 2.560.245.000 đồng.

(3) Hợp đồng tín dụng số 1483LAV201200468 ngày 01/07/2012 tại Ngân hàng NNO&PTNT Chi nhánh Thủ Đô với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức cấp tín dụng là 150 tỷ đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012;
- + Thời hạn cho vay: Được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ với từng loại đồng tiền cho vay;
- + Số dư nợ vay của hợp đồng đến thời điểm 31/12/2012 là 3.527.000 USD, tương đương với 73.414.505.000 đồng.

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	825.842.428	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	745.343.172	1.626.255.712
Thuế Thu nhập cá nhân	303.758.863	-
	1.874.944.463	1.626.255.712

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	572.369.653	346.726.417
Chi phí phải trả khác	140.188.142	117.602.222
	712.557.795	464.328.639

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

13 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	771.000.000	3.073.000.000
Vay ngân hàng	771.000.000	3.073.000.000
	771.000.000	3.073.000.000
Chi tiết vay dài hạn		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng ⁽¹⁾	-	550.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng ⁽²⁾	515.000.000	1.835.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồng Bàng ⁽³⁾	256.000.000	688.000.000
	771.000.000	3.073.000.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 0001/10/HĐTĐ-DN DH/XI ngày 11/10/2010 tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hải Phòng với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 900.000.000 đồng (*Chín trăm triệu đồng chẵn*);
- + Mục đích vay: Vay mua ô tô BMW 325i;
- + Thời hạn cho vay: 36 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 16% tính từ ngày giải ngân và sẽ thay đổi khi có thông báo của Ngân hàng;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng ô tô BMW 325i màu trắng, theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0001/10/HĐTC/XI ngày 11/10/2010;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 250 triệu đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 250 triệu đồng.

(2) Hợp đồng tín dụng số 0309/HĐTĐ2-VIB31/11 ngày 10/08/2011 tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 2.000.000.000 đồng (*Hai tỷ đồng chẵn*);
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn mua xe ô tô con phục vụ nhu cầu đi lại của Công ty
- + Thời hạn cho vay: 36 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Theo quy định của Ngân hàng từng kỳ;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng xe ô tô con nhãn hiệu Porsche theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 0309/HĐTC-VIB31/11 ngày 10/08/2011;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 1.175 triệu đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 660 triệu đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp)

- (3) Hợp đồng tín dụng số 65.11.251.831595.TD.DN ngày 08/04/2011 tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền ngân hàng cho vay: 850.000.000 đồng (*Tám trăm năm mươi triệu đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn mua 01 xe ô tô phục vụ công tác giao dịch theo hợp đồng kinh tế số 20-03 HĐKT/2011 ngày 16/03/2011 giữa Công ty Cổ phần công nghiệp ô tô Thành Công và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình;
 - + Ngày đáo hạn cuối cùng: 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi tại từng thời kỳ;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản được hình thành từ nguồn vốn vay;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 472 triệu đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 216 triệu đồng.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.126.000.000	1.176.000.000
Trong năm thứ hai	771.000.000	1.126.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	771.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	(1.126.000.000)	-
Số phải trả sau 12 tháng	<u>771.000.000</u>	<u>3.073.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Năm 2011			
Tại ngày 01/01/2011	4.800.000.000	1.950.215.869	6.750.215.869
Tăng vốn	15.200.000.000	-	15.200.000.000
Lãi trong năm	-	8.334.060.614	8.334.060.614
Giảm khác	-	(190.562.731)	(190.562.731)
Tại ngày 31/12/2011	20.000.000.000	10.093.713.752	30.093.713.752
Năm 2012			
Tại ngày 01/01/2012	20.000.000.000	10.093.713.752	30.093.713.752
Tăng vốn	36.000.000.000	-	36.000.000.000
Lãi trong năm	-	2.037.630.006	2.037.630.006
Tại ngày 31/12/2012	56.000.000.000	12.131.343.758	68.131.343.758

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2012	Tỷ lệ	01/01/2012
	(%)	VND	(%)	VND
Ông Nguyễn Thanh Bình	48,00%	26.880.000.000	48,00%	9.600.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	45,00%	25.200.000.000	45,00%	9.000.000.000
Ông Nguyễn Văn Khoái	7,00%	3.920.000.000	7,00%	1.400.000.000
	100%	56.000.000.000	100%	20.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	56.000.000.000	20.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	20.000.000.000	4.800.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	36.000.000.000	15.200.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	56.000.000.000	20.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.600.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.600.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.600.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.600.000	2.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.600.000	2.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.391.910.258.181	2.073.782.070.854
	<u>2.391.910.258.181</u>	<u>2.073.782.070.854</u>

16 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	62.484.000	209.893.560
	<u>62.484.000</u>	<u>209.893.560</u>

17 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	2.391.847.774.181	2.073.572.177.294
	<u>2.391.847.774.181</u>	<u>2.073.572.177.294</u>

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.304.201.301.985	1.996.463.608.149
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	2.651.585.474	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.020.200.000)	-
	<u>2.302.832.687.459</u>	<u>1.996.463.608.149</u>

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	1.964.571.098	289.683.627
Lãi bán ngoại tệ	1.717.228.629	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.830.264.204	16.007.266.499
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	145.469.958	-
	<u>5.657.533.889</u>	<u>16.296.950.126</u>

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	18.547.879.467	22.478.319.196
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	419.322.000	844.622.800
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.271.575.296	3.659.029.381
Chi phí tài chính khác	58.649.576	2.387.696.075
	<u>20.297.426.339</u>	<u>29.369.667.452</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	127.432.183	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.670.946	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.112.821.056	40.554.557.708
Chi phí khác bằng tiền	321.778.663	-
	59.583.702.848	40.554.557.708

22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	141.216.354	616.776.050
Chi phí nhân công	4.072.955.785	4.548.468.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.609.839.422	704.858.566
Thuế, phí, lệ phí	23.120.000	110.276.415
Chi phí dự phòng	(646.966.429)	5.947.576.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.465.857.013	566.725.464
Chi phí khác bằng tiền	3.743.571.945	839.835.835
	12.409.594.090	13.334.516.330

23 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Bồi thường do thiếu hàng hóa	496.844.122	-
Thu nhập khác	157.542.205	-
	654.386.327	-

24 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí phạt vi phạm	97.026.586	-
Chi phí truy hoàn thuế GTGT	6.689.299	-
Chi phí khác	24.768.630	-
	128.484.515	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.907.799.146	10.146.777.781
Các khoản điều chỉnh tăng	572.877.412	148.124.222
- Chi phí không hợp lệ	126.132.076	-
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	446.745.336	148.124.222
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	3.480.676.558	10.294.902.003
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	870.169.140	2.573.725.501
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(761.008.334)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	870.169.140	1.812.717.167
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.626.255.712	358.411.414
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.751.081.680)	(544.872.869)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	745.343.172	1.626.255.712

26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	2.037.630.006	8.334.060.614
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	2.037.630.006	8.334.060.614
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	5.412.603	1.429.780
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	376	5.829

27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	268.648.537	616.776.050
Chi phí nhân công	4.072.955.785	4.548.468.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.631.510.368	704.858.566
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.578.678.069	41.231.559.587
Chi phí khác bằng tiền	4.088.470.608	839.835.835
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	72.640.263.367	47.941.498.038

28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	73.127.492.350	-	53.958.975.820	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.091.936.767	(3.466.941.000)	39.764.464.570	(4.113.907.429)
	<u>100.219.429.117</u>	<u>(3.466.941.000)</u>	<u>93.723.440.390</u>	<u>(4.113.907.429)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			110.342.606.728	202.243.450.236
Phải trả người bán, phải trả khác			229.011.740.291	152.739.121.687
Chi phí phải trả			712.557.795	464.328.639
			<u>340.066.904.814</u>	<u>355.446.900.562</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.127.492.350	-	-	73.127.492.350
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.624.995.767	-	-	23.624.995.767
	<u>96.752.488.117</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>96.752.488.117</u>
Tại ngày 01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.958.975.820	-	-	53.958.975.820
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.650.557.141	-	-	35.650.557.141
	<u>89.609.532.961</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>89.609.532.961</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2012				
Vay và nợ	109.571.606.728	771.000.000	-	110.342.606.728
Phải trả người bán, phải trả khác	229.011.740.291	-	-	229.011.740.291
Chi phí phải trả	712.557.795	-	-	712.557.795
	<u>339.295.904.814</u>	<u>771.000.000</u>	<u>-</u>	<u>340.066.904.814</u>
Tại ngày 01/01/2012				
Vay và nợ	199.170.450.236	3.073.000.000	-	202.243.450.236
Phải trả người bán, phải trả khác	152.739.121.687	-	-	152.739.121.687
Chi phí phải trả	464.328.639	-	-	464.328.639
	<u>352.373.900.562</u>	<u>3.073.000.000</u>	<u>-</u>	<u>355.446.900.562</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

30 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu khác			
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Giám đốc Công ty	4.364.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	270.461.538	276.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 01, Khu 97, Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

31 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Công ty TNHH Kiểm toán HDT Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội kiểm toán.



Vũ Thị Dương
Người lập



Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hương
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 03 năm 2013

